

BIỂU SỐ 01

BIỂU ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN SỰ NGHIỆP 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024
THỰC HIỆN CƠ CHẾ THÍ ĐIỂM THEO NGHỊ QUYẾT 193/NQ-HĐND NGÀY 11/7/2024 CỦA HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BKTXH ngày tháng năm 2024 của Ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
A	Điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp	46.248,4157	32.165,7354	3.920,0000	12.621,2163	-	15.917,3604		
I	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13.054,9157	9.405,7354	-	6.107,7163	-	5.526,6064		
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực	4.341,4830	4.340,0000	-	1,4830	-	4.001,4830		
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	4.341,4830	4.340,0000	-	1,4830	-	4.001,4830	Tính bổ sung thêm tại QĐ 1830/QĐ-UBND, 14/10/2024 chưa phân bổ chi tiết	
*	Xã Chiềng Sinh	341,4830	340,0000		1,4830		1,4830		
*	Ban QLDA & PTQĐ	3.000,0000	3.000,0000	-	-	-	3.000,0000		
	<i>Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ bản Bàng sán - Bản Biêng - Bông Ban - bản Đưa - Ên Pẩu - Môn - Hới Nọ - Hới Trong xã Quài Tở</i>	<i>3.000,0000</i>	<i>3.000,0000</i>				<i>3.000,0000</i>		
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.000,0000	1.000,0000	-	-	-	1.000,0000		
	<i>Duy tu, sửa chữa trường Mầm non Họa Mi</i>	<i>1.000,0000</i>	<i>1.000,0000</i>				<i>1.000,0000</i>		
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.458,5360	204,7354	-	2.253,8007		204,7354		
-	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN(sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	320,3040	31,0894	-	289,2146	-	31,0894		
	<i>Trung tâm GDNN-GDTX</i>	<i>320,3040</i>	<i>31,0894</i>		<i>289,2146</i>		<i>31,0894</i>	<i>Hết nhiệm vụ chi</i>	
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	2.138,2320	173,6459	-	1.964,5861	-	173,6459		
	<i>Trung tâm GDNN-GDTX</i>	<i>2.138,2320</i>	<i>173,6459</i>		<i>1.964,5861</i>		<i>173,6459</i>	<i>Hết nhiệm vụ chi</i>	
3	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	5.395,6068	2.951,0000	-	2.444,6068	-	678,5180		
	+ Đảm bảo xã hội	5.395,6068	2.951,0000		2.444,6068		678,5180	Hết nhiệm vụ chi	
	<i>Xã Tênh Phóng</i>	<i>257,9450</i>	<i>175,0000</i>	-	<i>82,9450</i>		<i>139,2750</i>		

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
	Xã Quài Càng	283,8860	185,0000		98,8860		69,8650		
	Xã Chiềng Đông	242,9280	175,0000		67,9280		120,2280		
	Xã Mường Khong	275,8000	170,0000		105,8000		104,3000		
	Xã Pú Xi	262,2000	170,0000		92,2000		150,5500		
	Xã Mùn Chung	249,3000	170,0000		79,3000		49,3000		
	Xã Mường Mùn	285,4000	170,0000		115,4000		45,0000		
4	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.176,2008	728,0000	-	448,2008	-	59,4500		
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đảm bảo xã hội)	1.176,2008	728,0000	-	448,2008	-	59,4500		
	+ Đảm bảo xã hội	1.176,2008	728,0000		448,2008		59,4500	Hết nhiệm vụ chi	
	Xã Ta Ma	100,0000	100,0000				39,4500		
	Xã Mường Khong	20,0000	20,0000				20,0000		
5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.141,6250	1.182,0000	-	959,6250	-	582,4200		
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.195,2500	786,0000		409,2500		46,0000		
	Xã Mường Khong	46,0000	46,0000				46,0000	Hết nhiệm vụ chi	
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	946,3750	396,0000		550,3750		536,4200	Hết nhiệm vụ chi	
	Xã Chiềng Sinh	51,0000	19,0000		32,0000		51,0000		
	Xã Ta Ma	46,0000	15,0000		31,0000		46,0000		
	Xã Tềnh phông	51,0000	20,0000	-	31,0000		51,0000		
	Xã Tà ải	51,0000	20,0000		31,0000		29,0000		
	Xã Quài Càng	54,0000	22,0000		32,0000		30,0450		
	Xã Mường Thín	49,0000	18,0000		31,0000		49,0000		
	Xã Mường Khong	49,0000	18,0000		31,0000		49,0000		
	Xã Nà Tông	49,0000	18,0000		31,0000		49,0000		
	Xã Pú Xi	46,0000	15,0000		31,0000		46,0000		

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
	<i>Xã Mường Mùn</i>	53,0000	20,0000		33,0000		53,0000		
	<i>Xã Mùn Chung</i>	54,0000	22,0000		32,0000		54,0000		
	<i>Phòng Dân tộc huyện</i>	149,3750	100,0000		49,3750		29,3750		
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	33.193,5000	22.760,0000	3.920,0000	6.513,5000	-	10.390,7540		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	2.967,0000	2.487,0000	480,0000	-	-	952,0000		
-	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (sự nghiệp kinh tế)	2.967,0000	2.487,0000	480,0000			952,0000		
	<i>Ban QLDA & PTQD</i>	2.967,0000	2.487,0000	480,0000			952,0000	<i>Hết nhiệm vụ chi</i>	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	9.359,8000	3.604,0000	-	5.755,8000	-	8.860,0000		
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	5.859,8000	2.528,0000		3.331,8000		5.859,8000	Đã thông báo chiêu sinh các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn thuộc hộ nghèo	
	<i>Trung tâm GDNN-GDTX</i>	5.652,8000	2.528,0000		3.124,8000		5.652,8000	<i>Không có nội dung chi</i>	
	<i>Phòng Lao động - TBXH</i>	207,0000			207,0000		207,0000	<i>Không có nội dung chi</i>	
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	1.614,0000	373,0000		1.241,0000		1.463,9000		
	<i>Phòng Lao động - TBXH</i>	1.613,9000	373,0000		1.240,9000		1.463,9000	<i>Không có nội dung chi</i>	
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	1.886,0000	703,0000		1.183,0000		1.536,3000		
	<i>Phòng Lao động - TBXH</i>	1.886,3000	703,0000		1.183,3000		1.536,3000	<i>Không có nội dung chi</i>	
3	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	17.270,0000	13.760,0000	3.440,0000	70,0000		70,0000	Thực hiện hỗ trợ 345 nhà ở mới cho hộ nghèo.	
	<i>Thị trấn Tuần Giáo</i>	50,0000			50,0000		50,0000	<i>Giảm vốn hỗ trợ của 01 hộ (chuyển nguồn từ 2023 sang)</i>	
	<i>Chưa phân bổ</i>	20,0000			20,0000		20,0000	<i>Do không có hộ nào có nhu cầu sửa nhà</i>	

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.545,7000	2.035,0000	-	510,7000	-	508,7000		
-	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (sự nghiệp văn hóa thông tin)	2.088,0000	1.586,0000		502,0000		500,0000		
	<i>Phòng Văn hóa - TT</i>	<i>2.088,0000</i>	<i>1.586,0000</i>		<i>502,0000</i>		<i>500,0000</i>	<i>Không có nội dung chi</i>	
-	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (sự nghiệp văn hóa thông tin)	457,7000	449,0000		8,7000		8,7000		
	<i>Phòng Lao động - TBXH</i>	<i>457,7000</i>	<i>449,0000</i>		<i>8,7000</i>		<i>8,7000</i>	<i>Hết nhiệm vụ chi</i>	
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.051,0000	874,0000	-	177,0000	-	0,0540		
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	1.051,0000	874,0000		177,0000		0,0540		
	<i>Xã Mường Mùn</i>	<i>0,0540</i>			<i>0,0540</i>		<i>0,0540</i>	<i>Hết nhiệm vụ chi</i>	

BIỂU SỐ 02

BIỂU ĐIỀU CHỈNH TĂNG VỐN SỰ NGHIỆP 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

THỰC HIỆN CƠ CHẾ THÍ ĐIỂM THEO NGHỊ QUYẾT 193/NQ-HĐND NGÀY 11/7/2024 CỦA HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BKTXH ngày tháng năm 2024 của Ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
B	Điều chỉnh tăng vốn từ nguồn điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp	3.700,0000	3.700,0000	-	-	15.917,3604	-		
I	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.400,0000	3.400,0000	-	-	3.706,6064	-	Từ nguồn điều chỉnh giảm vốn SN CTMTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN ở biểu số 01	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực	3.400,0000	3.400,0000	-	-	3.706,6064	-	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các công trình dự tu, sửa chữa	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	3.400,0000	3.400,0000	-	-	3.706,6064			
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo	3.400,0000	3.400,0000			3.706,6064			
	<i>Duy tu, sửa chữa trường THCS Quài Cang</i>	<i>900,0000</i>	<i>900,0000</i>			<i>900,0000</i>			
	<i>Duy tu, sửa chữa trường TH&THCS Nà Sáy</i>	<i>900,0000</i>	<i>900,0000</i>			<i>950,0000</i>			
	<i>Duy tu, sửa chữa trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông</i>	<i>700,0000</i>	<i>700,0000</i>			<i>900,0000</i>			
	<i>Duy tu, sửa chữa trường TH Phình Sáng</i>	<i>900,0000</i>	<i>900,0000</i>			<i>956,6064</i>			
II	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	300,0000	300,0000	-	-	1.820,0000	-		
1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.					320,0000		Từ nguồn điều chỉnh giảm vốn SN CTMTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN ở biểu số 01	
-	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.					320,0000			
	<i>Xã Quài Tở</i>					<i>80,0000</i>			

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng	Giảm		
			NSTW	NSDP					
	Xã Chiềng Sinh					80,0000			
	Xã Quài Cang					80,0000			
	Xã Quài Nưa					80,0000			
2	Nội dung thành phần số 07	300,0000	300,0000	-	-	1.500,0000	-	Từ nguồn điều chỉnh giảm vốn SN CTMTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN ở biểu số 01	
-	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	300,0000	300,0000			1.500,0000	-		
	Tổng cộng	300,0000	300,0000			1.500,0000			
	Xã Quài Tở	15	15			85,0000			
	Xã Mường Thín	-				100,0000			
	Xã Chiềng Sinh	-				100,0000			
	Xã Quài Cang	-				100,0000			
	Xã Mùn Chung	15	15			85,0000			
	Xã Mường Mùn	16	16			84,0000			
	Xã Phình Sáng	48	48			52,0000			
	Xã Chiềng Đông	32	32			68,0000			
	Xã Mường Khong	32	32			68,0000			
	Xã Rạng Đông	-				100,0000			
	Xã Nà Tông	-				100,0000			
	Xã Ta Ma	15	15			85,0000			
	Xã Tỏa Tinh	15	15			85,0000			
	Xã Pú Xi	48	48			52,0000			
	Xã Tênh Phông	64	64			36,0000			

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024			Điều chỉnh dự toán		Lý do điều chỉnh (tăng, giảm)	Ghi chú	
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang	Tăng			Giảm
			NSTW	NSDP					
	<i>Xã Pú Nhung</i>	-				100,0000			
	<i>Xã Quài Nưa</i>	-				100,0000			
	<i>Xã Nà Sáy</i>	-				100,0000			
III	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững					10.390,7540		Từ nguồn điều chỉnh giảm vốn SN CTMTQG GNBV ở biểu số 01	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo					6.328,7540			
-	Tiêu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (sự nghiệp kinh tế)					6.328,7540			
*	Ban QLDA & PTQĐ	3.000,0000	3.000,0000	-	-	3.952,0000			
	<i>Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ bản Bãng sán - Bản Biêng - Bông Ban - bản Dúta - Én Pậu - Món - Hới Nọ - Hới Trong xã Quài Tở</i>	<i>3.000,0000</i>	<i>3.000,0000</i>			<i>3.952,0000</i>			
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.000,0000	1.000,0000	-	-	2.376,7540			
	<i>Duy tu, sửa chữa trường Mầm non Họa Mi</i>	<i>1.000,0000</i>	<i>1.000,0000</i>			<i>2.376,7540</i>			
2	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)					4.000,0000			
3	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					62,0000			
-	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình								
	<i>Phòng Lao động - TBXH</i>					<i>62,0000</i>	<i>Tham quan học tập kinh nghiệm mô hình trồng cây mắc ca, cà phê</i>		